

Bản án số: 12/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 02/6/2017

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hòa**

Các Thẩm phán :

Ông Trần Thế Cẩm

Ông Đinh Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Minh Hiếu** - Thư Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam: Bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2017/TLPT-HNGĐ ngày 21/3/2017 về tranh chấp “Xin ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 21/2017/HNGĐ-ST ngày 17/01/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2017/QĐ-PT ngày 25/4/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Ngọc L**, sinh năm 1973

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1975

Cùng trú tại: Khối phố 2, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1942

Trú tại: Khối phố 2, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

+ **Ngân hàng C**

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Hùng L**, chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Quảng Nam.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông **Nguyễn Ngọc L**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các văn bản có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc L trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị N tự nguyện tìm hiểu, đến với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2000 tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Ông và bà N chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà N tự ý dùng tiền dành dụm của hai vợ chồng để cho vay hoặc sử dụng vào nhiều mục đích khác mà không thông qua ý kiến của ông. Khi được biết thì tiền bạc trong gia đình không còn dẫn đến mất lòng tin với nhau, cuộc sống thường xuyên cãi vã, tình cảm vì thế mà rạn nứt. Đến nay, tình cảm giữa ông và bà N không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể sống chung được nên yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Trung C, sinh ngày 15/6/2001; Nguyễn Phi Y, sinh ngày 17/8/2004. Khi ly hôn, ông L đồng ý để bà N được nuôi cả hai con và ông L sẽ cấp dưỡng nuôi cháu Y đến tuổi trưởng thành mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng có một ngôi nhà xây dựng trên diện tích 270,8m² tại khối phố 2, phường T, thành phố T. Nguồn gốc đất là do mẹ ông bà Phạm Thị Hồng tặng cho hai vợ chồng để làm nhà ở vào năm 2001. Nay ly hôn, ông L yêu cầu trả đất lại cho mẹ ông, còn ngôi nhà để lại cho các con.

Một chiếc xe AIRBLADE loại xe hai bánh, biển kiểm soát 92L9-1019 đứng tên Nguyễn Ngọc L hiện nay ông L đang đi nhưng giấy tờ sở hữu xe bà N đang giữ, ông yêu cầu bà N đưa giấy tờ xe cho ông, ông sẽ thôi trả ½ giá trị cho bà N.

Các tài sản khác ông L và bà N tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vào khoảng tháng 8/2014, ông L có ký vào “Sổ vay vốn” để bà N vay Ngân hàng C tỉnh Quảng Nam số tiền 20.000.000 đồng, đến nay còn nợ bao nhiêu ông không biết, khoản nợ này bà N vay và sử dụng cá nhân, ông không có trách nhiệm trả.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

+ Về hôn nhân: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Ngọc L về hôn nhân, thời gian và điều kiện kết hôn. Trong quá trình chung sống, hai người đã có thời gian sống hạnh phúc, đến năm 2015 mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, là do ông L ngoại tình rồi về nhà uy hiếp vợ con. Vợ chồng ly thân nhau một năm nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, ông L yêu cầu ly hôn, bà đồng ý.

+ Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Trung C, sinh ngày 15/6/2001; Nguyễn Phi Y, sinh ngày 17/8/2004. Bà N đề nghị được nuôi cả hai con, ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Y mỗi tháng 1.000.000 đồng thì bà ghi nhận.

+ Về tài sản chung:

- Vợ chồng có một căn nhà xây dựng trên diện tích đất 270,8m² tại khối phố 2, phường T, thành phố T. Nguồn gốc đất là do mẹ ông L cho hai vợ chồng để làm nhà ở vào năm 2001 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay diện tích đất trên vẫn còn đứng tên giấy chứng nhận bà Phạm Thị H.

- 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 92L9-1019, đứng tên Nguyễn Ngọc L có giá trị 20.000.000 đồng. Khi ly hôn bà N đồng ý giao cho ông L chiếc xe máy biển kiểm soát 92L9-1019 và ông L có nghĩa vụ bồi trả cho bà ½ giá trị chiếc xe là 10.000.000 đồng.

Các tài sản khác bà N và ông L tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với căn nhà được xây dựng trên diện tích đất 270,8m² tại khối phố 2, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam trước đây bà yêu cầu chia nay bà thống nhất cho hai con là Nguyễn Trung C và Nguyễn Phi Y.

+ Về nợ chung: Hiện còn nợ Ngân hàng C tỉnh Quảng Nam khoảng 17.000.000 đồng và tiền lãi, mỗi người có trách nhiệm trả ½.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H trình bày:

Khi vợ chồng ông Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Thị N cưới nhau bà có cho hai vợ chồng diện tích đất để làm nhà ở như hiện nay. Khi cho bà chỉ nói miệng chứ không viết giấy tờ gì. Bà có tất cả 07 người con, bà cho đất 04 người con trai đều bằng miệng, còn 03 người con gái khác lấy chồng ở nơi khác thì bà không cho đất. Nay vợ chồng ông L, bà N ly hôn thì diện tích đất đã cho bà để lại cho con trai Nguyễn Ngọc L.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C trình bày:

Ngày 27/8/2014 Ngân hàng C Chi nhánh tỉnh Quảng Nam có cho bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Ngọc L vay vốn với số tiền 20.000.000 đồng theo khế ước số 660000070230256, ngày đến hạn trả nợ là 27/8/2017. Trong quá trình vay vốn bà N đã trả được nợ gốc 3.000.000 đồng và lãi. Tính đến ngày 17/01/2017 bà N còn nợ lại nợ gốc 17.000.000 đồng và lãi 105.400 đồng. Nay vợ chồng ông L và bà N ly hôn, Ngân hàng yêu cầu bà N và ông L phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 17/01/2017 nợ gốc 17.000.000 đồng và lãi 105.400 đồng.

Với nội dung nêu trên, tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 21/2017/HNGĐ-ST ngày 17/01/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T đã áp dụng Điều 55, 81, 82, 83, 84, 85 và Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 457 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc L đồng ý giao hai con chung tên Nguyễn Trung C, sinh ngày 15/6/2001 và Nguyễn Phi Y, sinh ngày 17/8/2004. Ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Phi Y mỗi tháng là 1.000.000 đồng đến khi cháu Y đủ tuổi trưởng thành.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung:

Tạm giao quyền sử dụng đất 270,8 m² và vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 6, tại khối phố 2, phường T, thành phố T do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp cho hộ bà Phạm Thị H theo Quyết định số 357/QĐ-UB ngày 23/01/2003 cho bà Nguyễn Thị N được tạm quyền quản lý và sử dụng. Diện tích đất này có tứ cận:

- Đông giáp đường đất;
- Tây giáp nhà ông Nguyễn Ngọc T;
- Bắc giáp đường bê tông;
- Nam giáp đất bà Nguyễn Thị T.

Tạm giao vật kiến trúc gắn liền quyền sử dụng đất 270,8 m² cho bà Nguyễn Thị N quản lý gồm:

- Nhà trên: có kết cấu nhà trệt, tường xây 110cm, mái tôn, nền gạch men, hiên đúc sânô có trụ bê tông, ô tơ cao 6m, diện tích 63,65 m²;
- Nhà sau ô tơ cao 4m, diện tích 70,35 m²;
- Chái lợp tôn prôximăng, diện tích 26,77 m²;
- Góc lững gỗ diện tích 13,34 m²;
- Chuồng heo diện tích 4,93 m²;
- Nhà vệ sinh diện tích 3,6 m²;
- Chái lợp tôn prôximăng sau, diện tích 46,9 m²;
- 13 trụ bê tông hàng rào;
- 04 trụ lớn cổng nhà;
- Lưới B40 hàng rào 38,4 m².

Khi cháu Nguyễn Trung C và Nguyễn Phi Y đủ 18 tuổi, bà N có nghĩa vụ giao toàn bộ tài sản trên cho hai cháu được quyền sử dụng và sở hữu.

Giao chiếc xe mô tô biển kiểm soát 92L9-1019 đứng tên đăng ký Nguyễn Ngọc L cho ông Nguyễn Ngọc L sở hữu. Ông L có nghĩa vụ thôi trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 10.000.000 đồng.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả 8.500.000 đồng nợ gốc; 52.700 đồng nợ lãi tính đến ngày 17/01/2017 và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong sổ vay vốn cho Ngân hàng C Chi nhánh tỉnh Quảng Nam theo khế ước số 660000070230256 ngày 27/8/2014.

Ông Nguyễn Ngọc L có trách nhiệm trả 8.500.000 đồng nợ gốc; 52.700 đồng nợ lãi tính đến ngày 17/01/2017 và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong sổ vay vốn cho Ngân hàng C Chi nhánh tỉnh Quảng Nam theo khế ước số 660000070230256 ngày 27/8/2014.

5. Về án phí:

Ông Nguyễn Ngọc L phải chịu án phí là 18.230.800 đồng. Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí là 17.830.800 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Nguyễn Ngọc L không thanh toán khoản tiền cấp dưỡng và khoản tiền thối trả $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe như trên thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quy định nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc L có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại về phần án phí.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Tại cấp phúc thẩm, ông L có đơn xin miễn giảm tiền án phí và được chính quyền địa phương xác nhận nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc L, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc L không rút đơn khởi kiện cũng như đơn kháng cáo mà cho rằng; tại cấp phúc thẩm ông L có đơn xin miễn giảm tiền án phí được chính quyền địa phương xác nhận có hoàn cảnh khó khăn nên ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để giảm cho ông một phần án phí.

Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc L thì thấy:

Về án phí dân sự sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông L phải chịu 200.000 đồng đối với yêu cầu ly hôn và 200.000 đồng đối với yêu cầu cấp dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 8, 10 Điều 27; điểm a, khoản 1, Điều 24 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1, mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Đối với án phí chia tài sản chung: Hội đồng xét xử xét thấy, tổng giá trị tài sản chung ông L và bà N xác định có giá trị 713.235.000 đồng (trong đó: giá trị quyền sử dụng đất là 456.341.000 đồng, vật kiến trúc trên đất là 236.894.000 đồng và giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 92L9 -1019 là 20.000.000 đồng) sau khi trừ khoản nợ chung tại Ngân hàng C - Chi nhánh tỉnh Quảng Nam là: 17.105.400 đồng. Giá trị tài sản ông L, bà N mỗi người được nhận 348.064.800 đồng. Do đó, ông L, bà N mỗi người phải chịu án phí là: $348.064.800 \times 5\% = 17.403.240$ đồng là phù hợp với quy định tại khoản 9, Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và khoản 2, mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Như vậy, tổng số tiền án phí mà ông L phải chịu là 17.803.240 đồng, trong đó: Án phí ly hôn là 200.000 đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con là 200.000 đồng, án phí đối với tài sản chung là 17.403.240 đồng.

Tại cấp phúc thẩm, ông L cung cấp Đơn xin miễn giảm tiền án phí do hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận giảm cho ông 50% tiền án phí là phù hợp với khoản 1, 3 Điều 14 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Như vậy, ông L chỉ phải chịu án phí là 8.901.620 đồng. Tuy nhiên, ông L đã nộp 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí nên ông phải nộp tiếp số tiền 8.701.620 đồng. Do đó, kháng cáo của ông L về án phí là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét nên tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc L được chấp nhận nên ông không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc L.

Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 21/2017/HNGĐ-ST ngày 17/01/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam về phần án phí.

Áp dụng Điều 27, 37, 55, 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 457 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, 3 Điều 14, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 8, 9, 10 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 và khoản 1, 2 mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc L đồng ý giao hai con chung tên Nguyễn Trung C, sinh ngày 15/6/2001 và Nguyễn Phi Y, sinh ngày 17/8/2004. Ông L có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Phi Y mỗi tháng là 1.000.000 đồng đến khi cháu Y đủ tuổi trưởng thành.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung:

Tạm giao quyền sử dụng đất 270,8 m² và vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 6, tại khối phố 2, phường T, thành phố T do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp cho hộ bà Phạm Thị H theo Quyết định số 357/QĐ-UB ngày 23/01/2003 cho bà Nguyễn Thị N được tạm quyền quản lý và sử dụng. Diện tích đất này có tứ cận:

- Đông giáp đường đất;
- Tây giáp nhà ông Nguyễn Ngọc T;
- Bắc giáp đường bê tông;
- Nam giáp đất bà Nguyễn Thị T.

Tạm giao vật kiến trúc gắn liền quyền sử dụng đất 270,8 m² cho bà Nguyễn Thị N quản lý gồm:

- Nhà trên: có kết cấu nhà trệt, tường xây 110cm, mái tôn, nền gạch men, hiên đúc sênô có trụ bê tông, ô tơ cao 6m, diện tích 63,65 m²;
- Nhà sau ô tơ cao 4m, diện tích 70,35 m²;
- Chái lợp tôn prôximăng, diện tích 26,77 m²;
- Gác lửng gỗ diện tích 13,34 m²;
- Chuồng heo diện tích 4,93 m²;
- Nhà vệ sinh diện tích 3,6 m²;
- Chái lợp tôn prôximăng sau, diện tích 46,9 m²;
- 13 trụ bê tông hàng rào;
- 04 trụ lớn cổng nhà;
- Lưới B40 hàng rào 38,4 m².

Khi cháu Nguyễn Trung C và Nguyễn Phi Y đủ 18 tuổi, bà N có nghĩa vụ giao toàn bộ tài sản trên cho hai cháu được quyền sử dụng và sở hữu.

Giao chiếc xe mô tô biển kiểm soát 92L9-1019 đứng tên đăng ký Nguyễn Ngọc L cho ông Nguyễn Ngọc L sở hữu. Ông L có nghĩa vụ thôi trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 10.000.000 đồng.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả 8.500.000 đồng nợ gốc; 52.700 đồng nợ lãi tính đến ngày 17/01/2017 và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong sổ

vay vốn cho Ngân hàng C, Chi nhánh tỉnh Quảng Nam theo khế ước số 660000070230256 ngày 27/8/2014.

Ông Nguyễn Ngọc L có trách nhiệm trả 8.500.000 đồng nợ gốc; 52.700 đồng nợ lãi tính đến ngày 17/01/2017 và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong sổ vay vốn cho Ngân hàng C, Chi nhánh tỉnh Quảng Nam theo khế ước số 660000070230256 ngày 27/8/2014.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc L phải chịu 8.901.620 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng ông L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0023017 ngày 23/02/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Ông Nguyễn Ngọc L phải nộp thêm 8.701.620 đồng (*Tám triệu bảy trăm lẻ một ngàn sáu trăm hai mươi đồng*).

Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung là 17.403.240 (*Mười bảy triệu bốn trăm lẻ ba ngàn hai trăm bốn mươi*) đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Ngọc L không phải chịu. Hoàn trả cho ông Nguyễn Ngọc L số tiền 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002600 ngày 08/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (02/6/2017).

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN
(Đã ký)

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đinh Văn Long Trần Thế Cẩm

Nguyễn Thị Hòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thành phố T;
- CC.THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hòa